

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2020.

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Bích N, sinh năm: 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Số nhà 109A đường K, ấp T, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số 1394, đường E, Tổ 1, ấp H, xã H1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Bùi Quốc Minh D, sinh năm: 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà 109A đường K, Ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Ngô Thị Bích N trình bày:

Bà và ông Bùi Quốc Minh D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 101, Quyền số: 01/2006 ngày 06/11/2006. Sau khi kết hôn ở chung với gia đình chồng, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hợp nhau. Bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông D nhưng ông D vẫn không thay đổi. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên Bà N yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung có 02 con: Tên Bùi Ngô Bảo N1, sinh ngày 18/8/2008 và tên Bùi Ngô Minh D1, sinh ngày 13/11/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N1 và trẻ D1 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Bùi Quốc Minh D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Thị Bích N và ông Bùi Quốc Minh D là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Bùi Quốc Minh D hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Quốc Minh D đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Bích N và ông Bùi Quốc Minh D có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 101, quyền số: 01/2006 ngày 06/11/2006 đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, Bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông D để ông D thay đổi nhưng ông D vẫn không thay đổi. Bà nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, Bà N không còn tình cảm với ông D.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Quốc Minh D không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà N. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Bùi Quốc Minh D biết sự việc trên nhưng ông D vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông D muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà N nên Hội đồng xét xử xét thấy Bà N xin ly hôn với ông D là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà N đối với ông D.

[4] Về con chung có 02 con là: Tên Bùi Ngô Bảo N1, sinh ngày 18/8/2008 và tên Bùi Ngô Minh D1, sinh ngày 13/11/2012. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N1 và trẻ D1 là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ N1 và D1 nên được chấp nhận. Ghi nhận việc Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà N tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Bích N là được ly hôn với ông Bùi Quốc Minh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 101, Quyển số: 01/2006 ngày 06/11/2006 của UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Ngô Thị Bích N và ông Bùi Quốc Minh D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ tên: Tên Bùi Ngô Bảo N1, sinh ngày 18/8/2008 và tên Bùi Ngô Minh D1, sinh ngày 13/11/2012.

Giao cho bà Ngô Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N1 và trẻ D1. Ghi nhận việc Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Ngô Thị Bích N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0083593 ngày 04/3/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C, Tp Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc